TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HSST
Ngày 15/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA,TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Ông Hoàng Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;

2. Ông Hoàng Đức Thủy.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Tân - Thư ký TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đại Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 12/2019/HSST ngày 12/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 02/5/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đa Tr (không có tên gọi khác), sinh ngày 01/4/1986.

Nơi ĐKHKTT: Xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Đa Tr, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1963.

Gia đình có 4 anh, chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 2009 con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 34/2006/HSST ngày 21/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Đa Tr 12 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2006. Chấp hành xong án phí ngày 20/3/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên toà).

Người bị hại:

Ông Trần Văn N, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Phố HT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có L do).

Người làm chứng:

1. Ông Trần Duy T

Địa chỉ: Phố HT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

2. Chị Vũ Thị Ng, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Phố HT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

3. Chị Lưu Thị L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

4. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

6. Anh Chu Văn L, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

7. Chị Trần Thị Ch, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

8. Anh Phùng Văn T1, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Phố HT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

9. Anh Hà Văn T2, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm 5 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 30/9/2017 Nguyễn Đa Tr đi bộ từ nhà lên bãi đất đang san ủi của ông Trần Văn N tại phố Trung Thành, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì thấy có 01 mấy ủi nhãn hiệu KOMATSU, không có người trông coi.Tr đi lại gần máy ủi, quan sát thấy có 02 bình ắc quy ở trong xe, Tr dung tay mở đai ốc thì tháo được, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tr tháo tiếp 02 ốc nguồn ắc quy thì không tháo được nên đi xuống nhà chị Vũ Thị Ng hỏi mượn mỏ lết về sửa xe. Tr cầm mỏ lết quay lại chỗ máy ủi vặn ốc của 02

bình ắc quy, sau khi vặn được, Tr bê 02 bình ắc quy về gần nhà, lấy 01 chiếc áo rằn ri mầu xanh, 01 bao tải dứa mầu trắng của bà Phạm Thị S (mẹ của Tr) ở góc vườn bọc 02 bình ắc quy lại, sau đó, đặt lên xe mô tô BKS 20N1 43591 mà Tr mượn của chị Lưu Thị L từ trước để chở đi tiêu thụ thì bị anh Nguyễn Văn Kh và anh Chu Văn L đều là hàng xóm của Tr phát hiện, nghi ngờ nên báo Công an xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi Công an xã và ông Trần Văn N đến giải quyết vụ việc, trong lúc lộn xộn, Tr đã bỏ chạy và đi khỏi địa phương. Thu giữ tại chỗ 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS mầu xanh, trắng đã qua sử dụng, loại N100-12V, 100Ah; 01 xe máy Biển kiểm soát 20N1-4951 đã qua sử dụng; 01 mỏ lết mầu đen, dài khoảng 25cm cũ rỉ đã qua sử dụng; 01 chiếc áo Rằn ri mầu xanh và 01 bao tải rứa mầu trắng cũ.

Đến ngày 25/01/2019, Tr đến Công an huyện Đ đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Quá trình điều tra Công an huyện đã trả lại vật chứng đã thu giữ được cho các chủ sở hữu để quản L và sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 42/KL-ĐG ngày 05/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 02 bình ắc quy, nhãn hiệu GS, loại N100-12V, 100Ah cũ đã qua sử dụng, có giá trị là 3.240.000^{đ} (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trước cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng số 13/CT-VKSĐH ngày 11/4/2019 của VKSND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSĐH ngày 11/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đa Tr về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố trong Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đa Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ: khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt Nguyễn Đa Tr từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (25/01/2019).

Về vật chứng: Không đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị gì.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 30/9/2017 Nguyễn Đa Tr một mình đi bộ đi từ nhà lên bãi đất đang san ủi của ông Trần Văn N tại phố Trung Thành, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì thấy có 01 xe máy ủi, không có người trông coi.Tr đi lại gần máy ủi, quan sát thấy có 02 bình ắc quy ở trong xe, Tr dung tay mở đai ốc thì tháo được, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Không tháo được 02 ốc nguồn của ắc quy, Bị cáo đi xuống nhà chị Vũ Thị Ng hỏi mượn mở lết về sửa xe, quay lại chỗ máy ủi vặn ốc của 02 bình ắc quy, bê 02 bình ắc quy về gần nhà, lấy 01 chiếc áo rằn ri mầu xanh, 01 bao tải dứa mầu trắng ở góc vườn bọc 02 bình ắc quy lại, đặt lên xe mô tô BKS 20N1- 43591 để chở đi tiêu thụ, thì bị anh Nguyễn Văn Kh và anh Chu Văn L phát hiện, báo Công an xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thu giữ vật chứng.

Đến ngày 25/01/2019, bị cáo đến Công an huyện Đ đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Kết luận số 42/KL-ĐG ngày 05/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 02 bình ắc quy, nhãn hiệu GS, loại N100-12V, 100Ah cũ đã qua sử dụng, có giá trị là 3.240.000^{đ} (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu. Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, cần áp dụng Bộ luật hình sự đang có hiệu lực pháp luật để giải quyết. Hành vi bị cáo đã thực hiện cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009).

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản cử người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.....".

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội:

Bị cáo là người Tr thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trôm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản của công dân, đi ngược lại công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm của toàn xã hội, đã xâm phạm đến các điều cấm được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi bị cáo đã thực hiện phải được xử L bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009). Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là người có thành tích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc; Sau khi hành vi bị cáo đã thực hiện, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, 25/01/2019 bị cáo đã đến Công an huyện Đ đầu thú . Do đó, bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009). Bị cáo có 01 tiền án, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Do vậy, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009)

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, tính chất của vụ án và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện, gây thiệt hại về vật chất cho người khác. Bị cáo gây thiệt hại nhưng đến nay chưa bồi thường, khắc phục thiệt hại do hành vi bị cáo đã gây ra. Vì vậy, cần có hình phạt phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại N100-12V, 100Ah ở trong máy ủi nhãn hiệu KOMATSU là của ông Trần Văn N được doanh nghiệp Duy T giao, quản L, sử dụng và tự chịu trách nhiệm, hiện đã được trả lại cho

ông N quản L và sử dụng. Ông N không có yêu cầu bồi thường. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: 02 bình ắc quy đã trả lại cho ông N, 01 cờ lê đã trả lại cho chị Ng; xe mô tô BKS 20N1-4591 đã trả lại cho gia đình chị L; áo và bao tải đã trả lại cho bà S quản L. Không ai có yêu cầu gì. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 135; 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

[9] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt từ đối với bị cáo; Án phí và quyền kháng cáo là phù hợp, đúng pháp luật và cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đa Tr** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009); Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật TTHS:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đa Tr** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/01/2019.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (15/5/2019) để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: HĐXX không xem xét

3. Về vật chứng: HĐXX không xem xét

4. Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đa Tr phải chịu 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Giang